

Được cung cấp bởi



Pacific Cross Việt Nam kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và hỗ trợ nhà bảo hiểm và nhà tái bảo hiểm trong các vấn đề liên quan, nhằm phát triển và quản lý sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm du lịch cho người dân sinh sống tại Việt Nam. Chúng tôi là thành viên của Tập đoàn Pacific Cross gồm các công ty hoạt động tại Hồng Kông, Philippines, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam.

Được quản lý bởi



PACIFIC CROSS VIỆT NAM

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6, Tòa nhà VNPT,
Số 1487 Nguyễn Văn Linh,
Phường Tân Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: (+84 28) 3821 6699

Email: inquiry@pacificcross.com.vn

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Geleximco,
Số 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội
Tel: (+84 24) 7308 6699

Website: pacificcross.com.vn



Tài liệu này không phải là hợp đồng. Để biết thêm thông tin chính xác và các chi tiết về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các loại trừ của hợp đồng bảo hiểm, vui lòng tham khảo bản hợp đồng chính thức.

CARE FIRST

Dẫn lối an tâm Chạm cuộc sống xứng tầm

Khởi đầu vững chắc cho hành trình an tâm



BẢO HIỂM SỨC KHỎE



CARE FIRST

Care First phù hợp với:

- Người trẻ độc lập, nhân viên văn phòng mới đi làm
- Cặp đôi trẻ

Care First đón bước chân bạn đến với khởi đầu của sự bảo vệ.



HẠN MỨC QUYỀN LỢI

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Quyền lợi chính			
Quyền lợi Nội trú	100 triệu đồng/năm	250 triệu đồng/năm	500 triệu đồng/năm
Quyền lợi lựa chọn			
Quyền lợi Ngoại trú	10 triệu đồng/năm	25 triệu đồng/năm	50 triệu đồng/năm
Quyền lợi Thai sản	10 triệu đồng/năm	15 triệu đồng/năm	20 triệu đồng/năm
Quyền lợi Nha khoa	Không áp dụng	3 triệu đồng/năm	5 triệu đồng/năm
Quyền lợi Tai nạn cá nhân	Lựa chọn bảo hiểm từ 20 triệu đồng/năm đến 10 tỷ đồng/năm		

ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM



Trợ cấp tiền mặt khi nằm viện



Chi trả hầu hết các bệnh hiểm nghèo như ung thư, chạy thận, ghép tạng, v.v.



Hỗ trợ giường cho người nhà khi Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi



Mạng lưới bảo lãnh viện phí toàn quốc
Xem chi tiết mạng lưới [tại đây](#)

Thủ tục bồi thường
nhANH CHÓNG, TIỆN LỢI



Dễ dàng theo dõi
thông qua ứng
dụng di động

30^{phút}

Bảo lãnh ngoại trú
trong vòng 30 phút

3^{ngày}

Giải quyết bồi thường
trong vòng 3 ngày

24/7

Tổng đài hỗ trợ 24/7, luôn sẵn sàng đồng
hành khi bạn cần



QUYỀN LỢI

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	100 triệu	250 triệu	500 triệu
Phạm vi bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Chi phí phòng và giường (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	600.000 /ngày	1.250.000 /ngày	2.500.000 /ngày
Phí khám bệnh hằng ngày của Bác sĩ và Phí Bác sĩ chuyên khoa (Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)	500.000 /lần khám	1.000.000 /lần khám	1.500.000 /lần khám
Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt, Phòng chăm sóc mạch vành, Phòng theo dõi liên tục (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	1.200.000 /ngày	2.500.000 /ngày	5.000.000 /ngày
Điều trị trước khi nhập viện (Trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)	3.000.000 /Năm hợp đồng	6.000.000 /Năm hợp đồng	10.000.000 /Năm hợp đồng
Điều trị sau khi xuất viện (Trong vòng 90 ngày sau khi xuất viện)	3.000.000 /Năm hợp đồng	6.000.000 /Năm hợp đồng	10.000.000 /Năm hợp đồng
Điều dưỡng tại nhà (Trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)	3.000.000 /Năm hợp đồng	6.000.000 /Năm hợp đồng	10.000.000 /Năm hợp đồng
Dịch vụ xe cấp cứu (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)	5.000.000 /Năm hợp đồng	10.000.000 /Năm hợp đồng	15.000.000 /Năm hợp đồng

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Các chi phí khác trong điều trị nội trú: Các chi phí xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, phí Bác sĩ, máu, huyết tương, thuê xe lăn sử dụng trong bệnh viện, vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thiết bị y khoa được đặt/gắn bên trong cơ thể, v.v.	6.000.000 /Năm hợp đồng	15.000.000 /Năm hợp đồng	30.000.000 /Năm hợp đồng
Chi phí phẫu thuật nội trú: Chi phí bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí đánh giá tiền phẫu thuật và chăm sóc hậu phẫu thuật thông thường	50.000.000 /Năm hợp đồng	125.000.000 /Năm hợp đồng	250.000.000 /Năm hợp đồng
Điều trị ung thư: (Tối đa 5 lần ^[1] /Năm hợp đồng) Là chi phí xạ trị, hóa trị, liệu pháp trúng đích (ngoại trừ phương pháp Phẫu thuật) theo chỉ định của Bác sĩ, không bao gồm thuốc được cấp mang về	50.000.000 /Năm hợp đồng	125.000.000 /Năm hợp đồng	250.000.000 /Năm hợp đồng
Ghép tạng: (Tối đa 1 tạng/cả đời) Các chi phí cho việc ghép thận, tim, phổi, gan, tủy xương cho người nhận là Người được Bảo hiểm (tối đa 50% cho người hiến tặng và số phần trăm còn lại cho người nhận, tùy theo sự lựa chọn của Người được Bảo hiểm). Công ty không thanh toán cho các chi phí để có được tạng; Quyền lợi này là tổng cộng tối đa cho mỗi tạng trong suốt cuộc đời và Công ty sẽ không thanh toán bất kỳ quyền lợi nào khác trong hợp đồng bảo hiểm liên quan đến việc ghép tạng của Người được Bảo hiểm	50.000.000 /Năm hợp đồng	125.000.000 /Năm hợp đồng	250.000.000 /Năm hợp đồng
Giường cho người nhà (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) Là giường thêm dành cho bố/mẹ hay người giám hộ hợp pháp lưu lại qua đêm trong cùng một phòng với Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi	500.000 /ngày	800.000 /ngày	1.000.000 /ngày
Chạy thận nhân tạo định kỳ (Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)	25.000.000 /Năm hợp đồng	50.000.000 /Năm hợp đồng	75.000.000 /Năm hợp đồng
Phẫu thuật trong ngày (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng)	5.000.000 /Năm hợp đồng	10.000.000 /Năm hợp đồng	15.000.000 /Năm hợp đồng
Chi phí cấp cứu (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)	1.700.000 /lần khám	3.500.000 /lần khám	4.000.000 /lần khám

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Trợ cấp nằm viện (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) Lưu ý: Tổng số tiền chi trả cho quyền lợi Trợ cấp nằm viện, quyền lợi Giường cho người nhà, quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú không được vượt quá số tiền tối đa của quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú	100.000 /ngày	300.000 /ngày	500.000 /ngày
Dịch vụ trợ giúp khẩn cấp 24 giờ và Dịch vụ sơ tán y tế khẩn cấp	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm

[1] Với 'Một lần' trong điều trị ung thư được quy định là một đợt điều trị, tính từ ngày đầu tiên người được bảo hiểm tiếp nhận liệu pháp cho đến khi hoàn thành toàn bộ liệu điều trị theo phác đồ chỉ định của bác sĩ.

QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	10 triệu	25 triệu	50 triệu
Phạm vi bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Điều trị ngoại trú (không phẫu thuật): Chi phí Bác sĩ, xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, vật tư y tế, và các chi phí có liên quan khác	1.000.000 /lần khám	2.000.000 /lần khám	5.000.000 /lần khám
Điều trị ngoại trú (có phẫu thuật): Chi phí Bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, chi phí vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thuốc được kê đơn, và các chi phí có liên quan khác	2.000.000 /lần khám	5.000.000 /lần khám	7.500.000 /lần khám
Chi phí vật lý trị liệu, trị liệu thần kinh cột sống trong điều trị ngoại trú: (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100.000 /ngày	200.000 /ngày	300.000 /ngày
Miễn phí gói xét nghiệm sức khỏe cơ bản: (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Chi phí được trả trong trường hợp không xảy ra sự kiện bảo hiểm được bồi thường nào trong Năm hợp đồng liền trước đó. Người được Bảo hiểm được chi trả gói xét nghiệm cơ bản bao gồm gói xét nghiệm Siêu âm bụng tổng quát, Tổng phân tích nước tiểu, xét nghiệm công thức máu, xét nghiệm mỡ máu, Điện tâm đồ, Xét nghiệm men gan, X-quang phổi	500.000	750.000	1.000.000

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Tiêm chủng Vắc-xin: (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 60% chi phí	500.000	750.000	1.000.000
Gói tầm soát ung thư: (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 60% chi phí	500.000	750.000	1.000.000

☐ **QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)**

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	10 triệu	15 triệu	20 triệu
Phạm vi bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Quyền lợi thai sản: Chi phí khám thai; sinh thường hoặc sinh mổ do Sự cần thiết về mặt y tế; điều trị cho trẻ sơ sinh liên quan đến bệnh lý xuất hiện trong vòng 30 ngày sau khi sinh, với điều kiện người mẹ vẫn nằm viện	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Chăm sóc trẻ sơ sinh: (Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh hoặc trong Năm hợp đồng đã hết hạn) Khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, dụng cụ, vitamin.	2.500.000	3.750.000	5.000.000
Quà tặng sinh nở: (Mỗi lần sinh) Áp dụng khi Người được Bảo hiểm sinh con tại các Bệnh viện công lập ở Việt Nam, nhưng không thuộc khoa dịch vụ	500.000	1.000.000	1.500.000



☐ **QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)**

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CF1	CF2	CF3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	Không áp dụng	3 triệu	5 triệu
Phạm vi bảo hiểm		Việt Nam	Việt Nam
Điều trị răng: Khám, chụp X quang răng bệnh lý, Điều trị viêm nướu, nha chu, Cắt chóp răng, lấy u vôi răng (lấy vôi răng sâu dưới nướu), Trám răng bệnh lý, Điều trị tủy răng, Nhổ răng bệnh lý (bao gồm cả phẫu thuật)		Đồng thanh toán 20:80 (Công ty chi trả 80%)	Đồng thanh toán 20:80 (Công ty chi trả 80%)
Vệ sinh răng: (Tối đa 2 lần/ Năm hợp đồng) Công ty trả 100%		500.000 /lần khám	500.000 /lần khám

☐ **QUYỀN LỢI TAI NẠN CÁ NHÂN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)**

Số tiền bảo hiểm	Từ 20 triệu đến 10 tỷ đồng
------------------	----------------------------

Lưu ý: Trẻ em từ 0 - 18 tuổi chỉ được mua quyền lợi này với điều kiện mua cùng với bố và/hoặc mẹ. Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Tai nạn cá nhân của trẻ em được giới hạn tối đa 20% số tiền bảo hiểm Quyền lợi Tai nạn cá nhân của bố và/hoặc mẹ. Nếu bố, mẹ có mệnh giá bảo hiểm khác nhau, bảo hiểm của trẻ sẽ dựa trên phụ huynh có số tiền bảo hiểm cao hơn.

BẢNG PHÍ

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CF1	CF2	CF3
0 – 3	1.920.000	4.404.000	8.360.000
4 – 5	1.150.000	2.638.000	5.004.000
6 – 18	1.032.000	2.366.000	4.488.000
19 – 25	1.136.000	2.604.000	4.940.000
26 – 30	1.286.000	2.948.000	5.594.000
31 – 35	1.354.000	3.102.000	5.888.000
36 – 40	1.420.000	3.258.000	6.182.000
41 – 45	1.512.000	3.468.000	6.580.000
46 – 50	1.736.000	3.982.000	7.556.000
51 – 55	2.024.000	4.640.000	8.806.000
56 – 60	2.454.000	5.626.000	10.678.000
61 – 65	2.950.000	6.768.000	12.844.000

QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CF1	CF2	CF3
0 – 3	3.234.000	6.408.000	12.500.000
4 – 5	1.936.000	3.836.000	7.484.000
6 – 18	1.736.000	3.440.000	6.712.000
19 – 25	1.910.000	3.786.000	7.386.000
26 – 30	2.164.000	4.288.000	8.364.000
31 – 35	2.278.000	4.512.000	8.804.000
36 – 40	2.392.000	4.738.000	9.244.000
41 – 45	2.546.000	5.044.000	9.840.000
46 – 50	2.922.000	5.792.000	11.298.000
51 – 55	3.406.000	6.748.000	13.166.000
56 – 60	4.130.000	8.184.000	15.968.000
61 – 65	4.968.000	9.844.000	19.206.000

QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CF1	CF2	CF3
18 – 50	2.650.000	4.050.000	5.450.000

QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CF1	CF2	CF3
0 – 3	Không áp dụng	1.526.000	2.365.000
4 – 5		2.289.000	3.546.000
6 – 18		1.526.000	2.365.000
19 – 25		1.526.000	2.365.000
26 – 30		1.526.000	2.365.000
31 – 35		1.526.000	2.365.000
36 – 40		1.526.000	2.365.000
41 – 45		2.289.000	3.546.000
46 – 50		2.289.000	3.546.000
51 – 55		2.289.000	3.546.000
56 – 60		2.289.000	3.546.000

QUYỀN LỢI TAI NẠN CÁ NHÂN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí bảo hiểm theo phân loại nghề nghiệp x Số tiền bảo hiểm

Phân loại nghề nghiệp	Tỷ lệ Phí bảo hiểm
Loại 1: Các nhiệm vụ chuyên môn, hành chính của cơ quan có tính chất tĩnh tại và các công việc có tính chất tĩnh tại khác	0,0900%
Loại 2: Các nghề nghiệp không phải lao động chân tay nhưng ở trong tình trạng dễ bị rủi ro tai nạn do môi trường làm việc hay công việc đó đòi hỏi phải đi lại nhiều, những nghề nghiệp có liên quan đến nhiệm vụ giám sát chính	0,1035%
Loại 3: Những nghề nghiệp dễ xảy ra tai nạn hoặc những công việc lao động chân tay nhẹ, những công việc lao động chân tay không nguy hiểm	0,1190%
Loại 4: Những nghề nghiệp nguy hiểm, các ngành công nghiệp nặng và không được quy định từ loại 1 đến loại 3	Không bảo hiểm

Lưu ý: Trẻ em dưới 18 tuổi được áp dụng tỉ lệ phí bảo hiểm năm theo Loại 1.

ĐỘ TUỔI
THAM GIA

0
Từ 15 ngày tuổi



18



50



60



65



70

NỘI TRÚ, NGOẠI TRÚ, TAI NẠN CÁ NHÂN

THAI SẢN

NHA KHOA

Tái tục lên đến 70 tuổi cho Quyền lợi
Nội trú, Ngoại trú và Tai nạn cá nhân.

CÁC CHIẾT KHẤU VÀ CÁC LỰA CHỌN KHÁC

(Chỉ áp dụng cho quyền lợi Nội trú và Ngoại trú)

Lưu ý: Tổng phí bảo hiểm áp dụng phải bằng tối thiểu 60% phí bảo hiểm sau khi thẩm định.

KHÔNG PHÁT SINH BỒI THƯỜNG

1 năm* trước đó

GIẢM

10%

2 năm* liên trước đó

GIẢM

15%

Từ 3 năm* liên trước đó

GIẢM

20%

(*) Năm hợp đồng



CHIẾT KHẤU NHÓM

Nhóm 3-4 người

GIẢM

5%

Nhóm 5-10 người

GIẢM

10%

Nhóm 11-20 người

GIẢM

15%

Nhóm trên 20 người

GIẢM

20%

LỰA CHỌN ĐỒNG THANH TOÁN

Người được Bảo hiểm từ 4
tuổi trở lên trả 20% chi phí

GIẢM

25%

